

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Hà Nội, tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số doanh nghiệp là 0101311315, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/09/2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PHUC HUNG HOLDINGS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUC HUNG HOLDINGS., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, tòa nhà HH2, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PHC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch
Ông Trịnh Ngọc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên
Ông Trần Huy Tường	Ủy viên
Ông Nguyễn Phú Dũng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc (thôi kiêm nhiệm từ ngày 01/01/2015 theo Nghị quyết 04NQ/2014/PH-HĐQT ngày 17/12/2014)
Ông Trần Huy Tường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2015 theo Nghị quyết 03NQ/2014/PH-HĐQT ngày 17/12/2014)
Ông Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

Trần Huy Tường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, được lập ngày 25/03/2015, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 3611/2014/BCKT-IFC vào ngày 29/03/2014 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trương Văn Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Trần Thị Hương Quỳnh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-2013-075-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MÃU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		416.884.726.269	395.838.668.571
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.036.144.254	30.897.832.512
1. Tiền	111		9.036.144.254	30.897.832.512
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		128.144.121.606	176.214.735.502
1. Phải thu khách hàng	131		105.462.992.865	142.338.813.710
2. Trả trước cho người bán	132		8.082.725.135	14.346.226.443
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	16.290.039.932	21.308.560.502
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.691.636.326)	(1.778.865.153)
IV- Hàng tồn kho	140		260.953.687.352	175.578.662.700
1. Hàng tồn kho	141	5.3	260.953.687.352	175.578.662.700
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		18.750.773.057	13.147.437.857
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	89.855	376.559.739
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.5	5.128.121.662	1.198.052.152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	108.138	108.138
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	13.622.453.402	11.572.717.828
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		126.134.081.279	129.372.976.592
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		15.678.388.779	17.925.301.896
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	15.678.388.779	17.925.301.896
- Nguyên giá	222		32.743.379.776	35.783.785.669
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.064.990.997)	(17.858.483.773)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		30.590.000	52.927.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.590.000)	(52.927.720)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		88.985.802.000	88.985.802.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.9	11.525.000.000	11.525.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	76.736.160.000	76.736.160.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	724.642.000	724.642.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.469.890.500	22.461.872.696
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	21.469.890.500	21.836.252.696
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	625.620.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		543.018.807.548	525.211.645.163

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MÃU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		387.821.623.623	374.674.566.159
(300 = 310+330)				
I- Nợ ngắn hạn	310		387.821.623.623	373.629.160.025
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	160.827.430.670	134.877.161.174
2. Phải trả người bán	312		110.572.847.144	111.551.382.805
3. Người mua trả tiền trước	313		67.968.799.793	60.761.359.095
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	4.075.211.137	13.174.511.737
5. Phải trả người lao động	315		2.471.231.685	2.759.896.969
6. Chi phí phải trả	316	5.15	2.326.525.345	3.783.684.507
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	38.784.421.623	44.574.647.512
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	550.000.000
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		795.156.226	1.596.516.226
II- Nợ dài hạn	330		-	1.045.406.134
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	-	1.045.406.134
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		155.197.183.925	150.537.079.004
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	155.197.183.925	150.537.079.004
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		109.999.770.000	109.999.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.600.598.130	36.600.598.130
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.063.367.327	2.063.367.327
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.046.567.500)	(1.046.567.500)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.921.154.201	1.921.154.201
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.197.223.795	844.088.570
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.461.637.972	154.668.276
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		543.018.807.548	525.211.645.163

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý	5.636.733.892	5.636.733.892

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phương Hiền

Ngô Thị Minh Nguyệt

Trần Huy Tường

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	387.503.813.699	404.363.674.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	7.747.273	4.056.871.454
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	387.496.066.426	400.306.803.367
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	361.401.164.801	375.511.000.580
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		26.094.901.625	24.795.802.787
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	997.090.625	2.645.707.885
7. Chi phí tài chính	22	5.21	9.611.218.903	14.518.883.539
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.255.517.387</i>	<i>13.081.252.524</i>
8. Chi phí bán hàng	24		45.373.603	128.857.998
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.584.682.532	13.200.354.105
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		4.850.717.212	(406.584.970)
11. Thu nhập khác	31	5.22	3.961.079.764	7.900.902.002
12. Chi phí khác	32	5.22	3.027.019.483	7.339.648.756
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		934.060.281	561.253.246
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.784.777.493	154.668.276
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	1.323.139.521	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.461.637.972	154.668.276
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	410	14

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phương Hiền

Ngô Thị Minh Nguyệt

Trần Huy Tường

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	494.312.200.515	445.551.732.057
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(474.251.322.148)	(400.588.594.792)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(46.499.527.971)	(21.890.552.168)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(14.660.864.766)	(13.081.252.524)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.580.281.109)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15.847.781.551	22.441.677.521
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.224.532.537)	(25.316.508.776)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(40.056.546.465)	7.116.501.318
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(314.870.000)	(147.490.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	716.000.000	1.276.475.458
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24	8.000.000.000	10.551.520.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	478.735.070	3.801.538.285
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	879.865.070	15.482.043.743
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	333.878.328.240	295.991.373.308
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(308.973.464.878)	(303.684.808.705)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.589.870.225)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.314.993.137	(7.693.435.397)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(21.861.688.258)	14.905.109.664
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.897.832.512	15.992.722.848
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	9.036.144.254	30.897.832.512

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phương Hiền

Ngô Thị Minh Nguyệt

Trần Huy Tường

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số doanh nghiệp là 0101311315, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/09/2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PHUC HUNG HOLDINGS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUC HUNG HOLDINGS., JSC

Vốn điều lệ của Công ty là 109.999.700.000 đồng.

Các Cổ đông lớn của Công ty tại 31/12/2014:

Các Cổ đông lớn	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)
Ông Nguyễn Quang Vinh	2.310.000	23.100.000.000
Ông Cao Tùng Lâm	1.178.929	11.789.290.000
Bà Tô Thanh Thủy	600.000	6.000.000.000
Bà Trịnh Minh Tâm	501.900	5.019.000.000

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PHC.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, tòa nhà HH2, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân năm 2014: 142 người (tại ngày 31/12/2013 là 143 người).

Các chi nhánh của Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thăng Long
Địa chỉ: Tháp B, phòng 1912, CT2, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội.
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings
Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Me Kong Tower, số 235-241 đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Miền Nam
Địa chỉ: Số 680 đường Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng tàu.

Các Công ty con của Công ty:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phục Hưng số 3
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phục Hưng số 7
- Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng

Công ty liên doanh:

- Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic
- Công ty Cổ phần Bất động sản Phục Hưng
- Công ty Cổ phần Bất động sản Nghệ An.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp là 0101311315 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/09/2011, hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, thực phẩm;
- Sản xuất và kinh doanh trang thiết bị nội thất và thủ công mỹ nghệ;
- Vận chuyển, xử lý, chế biến nước thải và rác thải;
- Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp);
- Thiết kế Công trình (thiết kế tổng mặt bằng, kết cấu: đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa thể thao, phần bao che công trình điện năng, thông tin liên lạc, bu chính viễn thông, dầu khí (kho trạm), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao);
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Dịch vụ lao động (không bao gồm xuất khẩu lao động);
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Buôn bán, lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống, điều hòa không khí, điện lạnh;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông;
- Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo ngoại ngữ;
- Tư vấn, giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình silô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh ngành nghề xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)/.

Trong năm 2014: Công ty chủ yếu thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, cung cấp vật liệu và phát triển dự án.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ là Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính : Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian
(số năm)**

Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phân mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng là 3 năm.

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty Mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty Mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tại Báo cáo riêng của Công ty Mẹ, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty Mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty phản ánh các khoản góp vốn liên doanh hình thành cơ sở đồng kiểm soát theo phương pháp giá gốc tại báo cáo riêng của Công ty Mẹ.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Bao gồm một số khoản mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ, dụng cụ loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa, chi phí quyền được mua căn hộ chung cư tại CT2 Trung Văn và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 50 năm. Chi phí quyền được mua sản phẩm của dự án từ Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic (gọi tắt là “liên doanh”) được phân bổ vào khoản mục “hàng hóa bất động sản” (giá mua các sản phẩm của dự án từ liên doanh) tương ứng với phần sản phẩm của dự án mà liên doanh đã bán cho Công ty.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả (Tiếp theo)**

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu của hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động kinh doanh trong các bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	222.923.235	147.744.135
Tiền gửi ngân hàng	8.813.221.019	30.750.088.377
Tổng	9.036.144.254	30.897.832.512

5.2 Phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic (*)	6.065.017.600	6.065.017.600
Công ty CP Cơ giới và Xây dựng Thăng Long (**)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Xây dựng số 6 Thăng Long (***)	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải thu các cá nhân khác	5.725.022.332	10.743.542.902
Tổng	16.290.039.932	21.308.560.502

(*) Lợi nhuận được chia theo thông báo của Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic.

(**) Công ty CP XD Phục Hưng Holdings góp vốn bằng tiền vào Công ty CP Cơ giới và Xây dựng Thăng Long; Công ty CP XD số 6 Thăng Long lần lượt theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HDHTDT và 103/HDHTDT về việc đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng, chung cư cao tầng và dịch vụ tại xã Kim Nỗ - huyện Đông Anh - TP Hà Nội.

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	168.184.200	2.348.461.926
Công cụ, dụng cụ	90.445.454	77.165.553
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	253.975.430.769	161.531.417.501
Hàng hoá	6.719.626.929	11.621.617.720
Tổng	260.953.687.352	175.578.662.700

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê kho chờ phân bổ	-	309.685.038
Chi phí Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	89.855	66.874.701
Tổng	89.855	376.559.739

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 Thuế GTGT được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	5.128.121.662	1.198.052.152
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	108.138	108.138
Tổng	5.128.229.800	1.198.160.290

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	13.537.053.402	11.572.717.828
Ký quỹ	85.400.000	-
Tổng	13.622.453.402	11.572.717.828

5.7 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	25.212.446.379	6.893.642.128	3.526.524.435	151.172.727	35.783.785.669
Tăng trong năm	203.972.727	-	85.000.000	-	288.972.727
Mua mới trong năm	203.972.727	-	85.000.000	-	288.972.727
Giảm trong năm	2.520.066.024	683.337.273	115.802.596	10.172.727	3.329.378.620
Thanh lý, nhượng bán	2.086.367.474	683.337.273	-	-	2.769.704.747
Giảm khác	433.698.550	-	115.802.596	10.172.727	559.673.873
Số dư tại 31/12/2014	22.896.353.082	6.210.304.855	3.495.721.839	141.000.000	32.743.379.776
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	11.253.316.562	5.588.781.993	944.687.237	71.697.981	17.858.483.773
Tăng trong năm	1.176.019.578	453.921.639	407.481.005	47.000.000	2.084.422.222
Khấu hao trong năm	1.176.019.578	453.921.639	407.481.005	47.000.000	2.084.422.222
Giảm trong năm	2.430.634.981	339.673.377	78.902.599	28.704.041	2.877.914.998
Thanh lý, nhượng bán	2.310.148.782	-	78.902.599	10.172.727	2.399.224.108
Giảm khác	120.486.199	339.673.377	-	18.531.314	478.690.890
Số dư tại 31/12/2014	9.998.701.159	5.703.030.255	1.273.265.643	89.993.940	17.064.990.997
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	13.959.129.817	1.304.860.135	2.581.837.198	79.474.746	17.925.301.896
Tại ngày 31/12/2014	12.897.651.923	507.274.600	2.222.456.196	51.006.060	15.678.388.779

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại 31/12/2014 là 3.209.965.321 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cầm cố, thế chấp các khoản vay tại 31/12/2014 lần lượt là 26.688.563.833 đồng và 13.790.914.296 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm kế toán	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2014	52.927.720	52.927.720
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	22.337.720	22.337.720
<i>Phân loại lại</i>	22.337.720	22.337.720
Số dư tại 31/12/2014	30.590.000	30.590.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2014	52.927.720	52.927.720
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	22.337.720	22.337.720
<i>Phân loại lại</i>	22.337.720	22.337.720
Số dư tại 31/12/2014	30.590.000	30.590.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2014	-	-
Tại ngày 31/12/2014	-	-

5.9 Đầu tư vào Công ty con

Công ty Con	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	275.000	3.025.000.000	275.000	3.025.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	650.000	6.500.000.000	650.000	6.500.000.000
Tổng	1.125.000	11.525.000.000	1.125.000	11.525.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Đầu tư vào Công ty con (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các Công ty con tại ngày 31/12/2014 như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Giá trị đầu tư tại 31/12/2014 VND	Ngành nghề kinh doanh
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Hà Nội	55%	3.025.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công nhà cao tầng, các kết cấu bê tông cốt thép); Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi...
2	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	Hà Nội	40%	2.000.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị, và khu công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực),...
3	Công ty CP Thương mại Phục Hưng	Hà Nội	65%	6.500.000.000	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Buôn bán vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Buôn bán máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khai khoáng trong xây dựng; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng. Xây dựng nhà các loại, Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (Xây dựng công trình công nghiệp), sản xuất bê tông...

Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, và theo đó công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết, nhưng theo điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, Công ty được quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty này. Do đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty và được trình bày là Công ty con của Công ty (Trước năm 2007).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Đầu tư vào Công ty liên kết

Theo Nghị quyết của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim số 03/NQ-HĐQT ngày 04/01/2009, Công ty mua toàn bộ phần vốn góp và quyền lợi của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic), trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) (bên nhận chuyển nhượng) ngày 05/11/2009, Công ty đã mua lại 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic với số tiền mua là 110.218.000.000 đồng. Công ty ghi nhận chi phí mua 30% giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Liên doanh với số tiền 30.736.160.000 đồng vào khoản mục "Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh", phần còn lại ghi nhận vào khoản mục "chi phí trả trước dài hạn". Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

Nội dung đầu tư	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND
Góp vốn vào Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic	-	30.736.160.000	-	30.736.160.000
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	2.100.000	42.000.000.000	2.100.000	42.000.000.000
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Nghệ An	400.000	4.000.000.000	400.000	4.000.000.000
Tổng	2.500.000	76.736.160.000	2.500.000	76.736.160.000

5.11 Đầu tư dài hạn khác

Nội dung đầu tư	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND
Góp vốn vào Công ty CP Kiến Trúc Phục Hưng	70.000	700.000.000	70.000	700.000.000
Mua Cổ phần của Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam	1.332	24.642.000	1.332	24.642.000
Tổng	71.332	724.642.000	71.332	724.642.000

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí Công cụ dụng cụ	2.530.838.237	4.775.944.389
Chi phí thuê Văn phòng HH2 (*)	2.765.882.044	2.834.410.816
Chi phí thuê sàn thương mại CT2 (**)	1.947.272.728	-
Chi phí mua quyền được mua sản phẩm của dự án từ Liên doanh	14.225.897.491	14.225.897.491
Tổng	21.469.890.500	21.836.252.696

(*) Công ty thuê 523 m2 văn phòng tại tầng 3 - Toà nhà HH2 - Phường Yên Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội trong vòng 50 năm.

(**) Công ty thuê mặt bằng sàn tầng 5 Toà nhà The Light theo HĐ thuê mặt bằng số 02/HĐKT/CT2/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	158.968.130.670	132.377.452.841
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (1)	158.968.130.670	128.377.452.841
Ngân hàng TMCP Bắc Á (2)	-	4.000.000.000
Các khoản vay khác của cá nhân (3)	1.859.300.000	2.499.708.333
Tổng	160.827.430.670	134.877.161.174

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức chủ yếu số 01/2014/36032/HĐTD ký ngày 02/07/2014 giữa Công ty và Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Đông Đô. Hạn mức cho vay là 159 tỷ và hạn mức bảo lãnh là 360 tỷ, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD, thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất áp dụng theo từng HĐTD ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp, cầm cố bằng TS của bên vay hoặc bên thứ 3 theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố đã và sẽ ký kết giữa bên vay/bên thứ 3 với Ngân hàng. Giá trị TSĐB, phương thức xử lý TSĐB thực hiện theo quy định tại hợp đồng đảm bảo tiền vay; Toàn bộ số dư TK tiền gửi SXKD bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 026665/2013/HĐTD-BacABank ký ngày 15/3/2013 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Bắc Á, số tiền vay 4.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thi công xây dựng Dự án trang trại Bò sữa Nghệ An do Công ty CP Thực phẩm bổ sung sữa TH làm chủ đầu tư, thời hạn cho vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay: 22,08%/năm và điều chỉnh theo mức lãi suất NH quy định trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp.
- (3) Các khoản vay khác theo từng hợp đồng vay vốn lưu động được ký kết với các pháp nhân và cá nhân khác, hình thức cho vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất từng hợp đồng dao động từ 10%/năm đến 12%/năm hoặc biến động theo sự thỏa thuận giữa 2 bên.

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.630.020.456	7.110.148.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.323.139.521	5.580.281.109
Thuế thu nhập cá nhân	122.051.160	484.082.023
Tổng	4.075.211.137	13.174.511.737

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí xây lắp	2.326.525.345	3.783.684.507
Tổng	2.326.525.345	3.783.684.507

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.16 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	804.041.254	760.519.838
Bảo hiểm xã hội	371.567.171	362.211.621
Phải trả Cổ tức năm 2011	33.113.675	7.622.983.900
Phải trả, phải nộp khác	37.575.699.523	35.828.932.153
+ <i>Phải trả các Đội xây dựng công trình</i>	29.278.191.665	21.613.360.955
+ <i>Các khoản phải trả khác</i>	8.297.507.858	14.215.571.198
Tổng	38.784.421.623	44.574.647.512

5.17 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay Ngân hàng	-	1.045.406.134
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	-	376.984.900
NH TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (1)	-	668.421.234
Tổng	-	1.045.406.134

- (1) Hợp đồng tín dụng trung hạn số 111.11.062.642224 ký ngày 12/09/2011 với NHTM CP Quân đội - CN Điện Biên Phủ. Thời hạn vay 36 tháng. Mục đích vay: Đầu tư khung giàn giáo và vận thăng lồng. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng áp dụng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Lịch trả nợ vay	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	1.045.406.134
Tổng	-	1.045.406.134

5.18 Vốn chủ sở hữu**Chi tiết chủ sở hữu của Công ty:**

Các Cổ đông lớn	Số Cổ phần và tỷ lệ sở hữu vốn			Vốn thực góp tại
	Số cổ phần	(VND)	(%)	31/12/2014
				(VND)
Ông Nguyễn Quang Vinh	2.310.000	23.100.000.000	21,00%	23.100.000.000
Ông Cao Tùng Lâm	1.178.989	11.789.890.000	10,72%	11.789.890.000
Bà Tô Thanh Thủy	600.000	6.000.000.000	5,45%	6.000.000.000
Bà Trịnh Minh Tâm	501.900	5.019.000.000	4,56%	5.019.000.000
Các Cổ đông khác	6.409.088	64.090.880.000	58,26%	64.090.880.000
Tổng	10.999.977	109.999.770.000	100%	109.999.770.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	109.999.770.000	109.999.770.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	109.999.770.000	109.999.770.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	7.589.870.225	-

(*) Phân cổ tức năm 2011 được chi trả trong năm 2014.

Cổ phiếu

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.999.977	10.999.977
Cổ phiếu phổ thông	10.939.977	10.939.977
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	110.000	110.000
Cổ phiếu phổ thông	110.000	110.000
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.889.977	10.889.977
Cổ phiếu phổ thông	10.829.977	10.829.977
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần có nguồn gốc từ việc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (Constrexim Holdings) góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) bằng thương hiệu từ năm 2003.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Biến động vốn Chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	1.921.154.201	6.042.290.745	217.419.612	155.798.032.515
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	217.419.612	154.668.276	372.087.888
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	154.668.276	154.668.276
Trích lập các quỹ từ LN	-	-	-	-	-	217.419.612	-	217.419.612
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	5.415.621.787	217.419.612	5.633.041.399
Trích lập các quỹ từ LN	-	-	-	-	-	-	217.419.612	217.419.612
Giảm khác trong năm	-	-	-	-	-	5.415.621.787	-	5.415.621.787
Số dư tại 31/12/2013	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	1.921.154.201	844.088.570	154.668.276	150.537.079.004
Số dư tại 01/01/2014	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	1.921.154.201	844.088.570	154.668.276	150.537.079.004
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	353.135.225	4.461.637.972	4.814.773.197
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	4.461.637.972	4.461.637.972
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	353.135.225	-	353.135.225
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	154.668.276	154.668.276
Trích lập các quỹ từ LN	-	-	-	-	-	-	154.668.276	154.668.276
Số dư tại 31/12/2014	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	1.921.154.201	1.197.223.795	4.461.637.972	155.197.183.925

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.19 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	379.876.595.363	358.872.033.988
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.075.499.568	6.742.231.275
Doanh thu từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	4.551.718.768	38.749.409.558
Tổng	387.503.813.699	404.363.674.821
Các khoản giảm trừ	7.747.273	4.056.871.454
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	4.056.871.454
<i>Giảm giá hàng bán</i>	7.747.273	-
Tổng doanh thu thuần	387.496.066.426	400.306.803.367

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	355.000.034.484	334.397.891.995
Giá vốn hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.899.865.290	6.418.883.671
Giá vốn từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	4.501.265.027	34.694.224.914
Tổng	361.401.164.801	375.511.000.580

5.21 Doanh thu/ Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	997.090.625	2.645.707.885
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	720.907.425	143.732.946
Cổ tức, lợi nhuận được chia	276.183.200	2.501.974.939
<i>Chi phí hoạt động tài chính</i>	9.611.218.903	14.518.883.539
Chi phí lãi vay	9.255.517.387	13.081.252.524
Thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Việt Hưng	-	199.224.933
Chi phí tài chính khác	355.701.516	1.238.406.082
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(8.614.128.278)	(11.873.175.654)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.22 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập khác		
Phí sử dụng thương hiệu của các Công ty con	488.526.830	395.454.888
Thu thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	610.000.000	1.167.523.144
Thu từ cho thuê thiết bị, thuê kho nội bộ	79.547.200	153.422.436
Thu nhập từ bán VLXL cho các Công ty con	1.129.745.300	4.313.643.261
Thu nhập khác	1.653.260.434	1.870.858.273
Tổng	3.961.079.764	7.900.902.002
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý TSCĐ, Công cụ dụng cụ	-	806.180.490
Chi phí cho thuê thiết bị	587.048	121.027.430
Giá vốn từ bán VLXL cho các Công ty con	1.129.745.300	4.313.643.261
Chi phí khác	1.896.687.135	2.098.797.575
Tổng	3.027.019.483	7.339.648.756
Lãi (lỗ) từ hoạt động khác	934.060.281	561.253.246

5.23 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.784.777.493	154.668.276
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường (1)	5.784.777.493	2.562.905.174
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế (2)	505.676.257	48.000.000
- <i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	60.000.000	48.000.000
- <i>Chi phạt chậm nộp thuế tại CNMN</i>	445.676.257	-
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (3)	276.183.200	2.501.974.939
- <i>Cổ tức đã nhận trong năm</i>	276.183.200	2.501.974.939
Chuyển lỗ (4)	-	(108.930.235)
Lợi nhuận chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường = (1)+(2)-(3)+(4)	6.014.270.550	-
Lợi nhuận từ chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	-	(2.408.236.989)
Thuế suất áp dụng hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	1.323.139.521	-

5.24 Lãi cơ bản trên sổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.461.637.972	154.668.276
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.461.637.972	154.668.276
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.889.977	10.889.977
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	410	14

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.732.206.875	1.816.526.070
Chi phí nhân công	32.263.825.004	37.509.612.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.084.422.222	1.913.885.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	460.058.820.735	378.903.542.151
Chi phí khác bằng tiền	8.770.030.963	15.379.786.067
Tổng	506.909.305.799	435.523.352.542

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<u>Giao dịch bán hàng</u>		
<i>Doanh thu</i>	1.094.074.202	647.405.419
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	-	73.740.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	1.094.074.202	344.393.702
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	-	229.271.717
<i>Thu nhập khác</i>	1.618.272.130	4.704.441.469
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	255.399.606	368.032.599
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	927.497.160	1.124.744.217
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	435.375.364	3.211.664.653
<u>Giao dịch mua hàng</u>		
<i>Chi phí thầu phụ</i>	156.817.896.035	139.908.716.640
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	29.327.355.635	21.264.719.995
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	95.577.504.643	71.215.148.590
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	31.913.035.757	47.428.848.055
<u>Giao dịch khác</u>		
<i>Cổ tức</i>	275.000.000	657.500.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	-	300.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	275.000.000	357.500.000

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<u>Các khoản phải thu</u>	3.371.680.734	24.363.534.006
Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic	3.371.680.734	21.434.934.387
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	-	2.928.599.619
<u>Các khoản phải trả</u>	52.401.057.401	53.321.368.699
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	14.327.823.099	18.505.159.637
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	18.197.268.430	34.816.209.062
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	19.875.965.872	-

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao	200.500.000	193.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Tổng thu nhập	1.116.046.059	983.609.503

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là thi công xây lắp các công trình dân dụng và Công nghiệp, các loại hình khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, do đó báo cáo bộ phận không tách nhỏ thành các hoạt động, số liệu chi tiết cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014:

	Xây lắp và hoạt động khác	Tổng
TÀI SẢN		
Tài sản cố định	15.678.388.779	15.678.388.779
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Các khoản phải thu	128.144.121.606	128.144.121.606
Hàng tồn kho	260.953.687.352	260.953.687.352
Tài sản không phân bổ	-	138.242.609.811
Tổng tài sản	404.776.197.737	543.018.807.548
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản phải trả	226.994.192.953	226.994.192.953
Phải trả tiền vay	160.827.430.670	160.827.430.670
Nợ phải trả không phân bổ	-	-
Tổng nợ phải trả	387.821.623.623	387.821.623.623

Báo cáo kết quả bộ phận kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014:

	Xây lắp và hoạt động khác	Tổng
DOANH THU		
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	387.496.066.426	387.496.066.426
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-
Tổng doanh thu	387.496.066.426	387.496.066.426
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	26.094.901.625	26.094.901.625
Chi phí tài chính phân bổ	9.611.218.903	9.611.218.903
Kết quả kinh doanh bộ phận	4.850.717.212	4.850.717.212
<i>Chi phí tài chính (không phân bổ)</i>		-
<i>Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD</i>	<i>934.060.281</i>	<i>934.060.281</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế		5.784.777.493
Thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả CP thuế TNDN hoãn lại)		1.323.139.521
Lợi nhuận trong năm		4.461.637.972

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.3 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.036.144.254	30.897.832.512
Phải thu khách hàng và phải thu khác	120.061.396.471	161.868.509.059
Đầu tư dài hạn	724.642.000	724.642.000
Tổng	129.822.182.725	193.490.983.571
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	160.827.430.670	135.922.567.308
Phải trả người bán và phải trả khác	149.357.268.767	156.126.030.317
Chi phí phải trả	2.326.525.345	3.783.684.507
Tổng	312.511.224.782	295.832.282.132

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2009 về việc “hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”, tuy nhiên Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về cả giá hàng hóa.

Rủi ro về giá

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp chủ yếu là trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực quản lý xây dựng và sản xuất phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các vốn của Chủ sở hữu nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	160.827.430.670	-	160.827.430.670
Phải trả người bán và phải trả khác	149.357.268.767	-	149.357.268.767
Chi phí phải trả	2.326.525.345	-	2.326.525.345
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	134.877.161.174	1.045.406.134	135.922.567.308
Phải trả người bán và phải trả khác	156.126.030.317	-	156.126.030.317
Chi phí phải trả	3.783.684.507	-	3.783.684.507

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.036.144.254	-	9.036.144.254
Phải thu khách hàng và phải thu khác	120.061.396.471	-	120.061.396.471
Đầu tư dài hạn	-	724.642.000	724.642.000
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.897.832.512	-	30.897.832.512
Phải thu khách hàng và phải thu khác	161.868.509.059	-	161.868.509.059
Đầu tư dài hạn	-	724.642.000	724.642.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phương Hiền

Ngô Thị Minh Nguyệt

Trần Huy Tường